

NGHỊ QUYẾT
PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG – CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 26/10/2018 và được sửa đổi theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 22 tháng 6 năm 2021;

- Căn cứ Biên bản số 48 /BB-ĐHĐCĐ, ngày 17/03/2023 của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty cổ phần.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1 . Thông qua các nội dung:

1. Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị giai đoạn 2018 - 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

1.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2021 so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao:

1.1.1. Các chỉ tiêu chính trong Báo cáo Tài chính hợp nhất:

ĐVT: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2021 (đã kiểm toán)	Năm 2021 (kế hoạch)	% Chênh lệch TH/KH
1	Doanh thu thuần	1.488.242.477.604	1.833.930.000.000	81%
2	Lợi nhuận gộp	360.067.002.905	350.680.000.000	103%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	327.143.999.651	330.200.000.000	99%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	264.308.582.048	284.431.000.000	93%
	Lợi nhuận thuộc về cổ đông thiểu số	27.607.766.510	3.166.000.000	872%
	Lợi nhuận thuộc về công ty mẹ	236.700.815.510	281.265.000.000	84%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	736	938	78%

1.1.2. Các chỉ tiêu chính trong Báo cáo Tài chính riêng:

ĐVT: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2021 (đã kiểm toán)	Năm 2021 (kế hoạch)	% Chênh lệch TH/KH
1	Doanh thu thuần	3.220.984.848	32.933.000.000	10%
2	Lợi nhuận gộp	1.258.689.490	(4.596.000.000)	-27%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	204.305.982.955	237.756.000.000	86%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	205.571.665.532	237.756.000.000	86%

1.2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2022:

1.2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trên BCTC riêng và hợp nhất năm 2022 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch BCTC hợp nhất 2022	Kế hoạch BCTC riêng 2022
1	Tổng doanh thu thuần	1.416.591.000.000	336.184.000.000
1.1	Doanh thu hoạt động SX – KD	1.356.737.000.000	5.460.000.000
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	59.576.000.000	330.724.000.000
1.3	Thu nhập khác	278.000.000	-
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	304.362.000.000	155.652.000.000

1.2.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ BCTC riêng 2022 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch BCTC riêng 2022
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5% LNST năm 2022
2	Quỹ đầu tư phát triển	5% LNST năm 2022
3	Thù lao HĐQT, BKS, các tiểu ban thuộc HĐQT, người quản trị công ty	3% LNST năm 2022
4	Quỹ khen thưởng Ban Điều hành (Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng)	1% LNST năm 2022(thuế TNCN sẽ được tính vào chi phí Tổng Công ty)
5	Chia cổ tức	150.000.000.000 đồng, tương ứng tỷ lệ 5% trên mệnh giá CP

2. Báo cáo của ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

2.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2021 qua một số chỉ tiêu chính (như Báo cáo Tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 của Hội đồng quản trị).

2.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2022:

2.2.1. Kế hoạch kinh doanh trên BCTC riêng năm 2022:

ĐVT: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2022 (kế hoạch)	Năm 2021 (thực hiện đã kiểm toán)	% Chênh lệch KH2022/TH2021
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.460.000.000	3.220.984.848	170%
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(11.509.000.000)	1.258.689.490	(914)%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	155.652.000.000	204.305.982.955	76%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	155.652.000.000	205.571.665.532	76%

2.2.2. Kế hoạch kinh doanh trên BCTC hợp nhất năm 2022:

ĐVT: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2022 (kế hoạch)	Năm 2021 (thực hiện đã kiểm toán)	% Chênh lệch KH2022/TH2021
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.356.737.000.000	1.488.242.477.604	91%
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	421.287.000.000	360.067.002.905	117%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	361.511.000.000	327.143.999.651	111%
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	363.789.000.000	322.892.804.231	113%
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	304.362.000.000	264.308.582.048	115%
	Lợi nhuận thuộc về cổ đông thiểu số	24.470.370.000	27.607.766.538	89%
	Lợi nhuận thuộc về công ty mẹ	279.891.630.000	236.700.815.510	118%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	933	736	127%

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

4. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty Cổ phần.

5. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty Cổ phần.

6. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2021.

7. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022.

7.1. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	Phân phối lợi nhuận năm 2021
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.278.583.277 đồng (5% LNST năm 2021)
2	Quỹ đầu tư phát triển	10.278.583.277 đồng (5% LNST năm 2021)
3	Quỹ khen thưởng Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng)	405.000.000 đồng
4	Thù lao HĐQT, BKS, các Tiểu ban thuộc HĐQT, người phụ trách quản trị công ty	2.592.000.000 đồng
5	Chia cổ tức	150.000.000.000 đồng (5% trên mệnh giá CP, tương đương 500 đồng/CP)

7.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5% LNST năm 2022
2	Quỹ đầu tư phát triển	5% LNST năm 2022
3	Quỹ khen thưởng Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng)	1% LNST năm 2022 (thuế TNCN sẽ được tính vào chi phí Tổng Công ty)
4	Thù lao HĐQT, BKS, các Tiểu ban thuộc HĐQT, người phụ trách quản trị công ty	3% LNST năm 2022
5	Chia cổ tức	150.000.000.000 đồng (5% trên mệnh giá CP, tương đương 500 đồng/CP)

8. Thông qua Tờ trình báo cáo chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2022.

8.1. Chi trả thù lao HĐQT và BKS, Thư ký công ty cho năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Tổng mức thù lao được duyệt năm 2021 (*)	Tổng mức thù lao chi trả thực tế năm 2021
Thù lao HĐQT & BKS	2.592.000.000 đồng	1.296.000.000 đồng

(*): tổng mức thù lao cho HĐQT & BKS năm 2021 đã được phê duyệt theo Nghị quyết của ĐHCĐ ngày 22/06/2021.

8.2. Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT & BKS năm 2022:

Chỉ tiêu	Tổng mức thù lao dự kiến chi trả năm 2022
Thù lao HĐQT & BKS, Thư ký công ty	3% LNST năm 2022

Đại hội đồng cổ đông giao cho Chủ tịch HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể cho từng thành viên HĐQT, BKS và Ban Thư ký Tổng Công ty.

9. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022.

Chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2022 của Tổng Công ty SX – XNK Bình Dương – CTCP.

10. Thông qua Tờ trình về việc ủy quyền sử dụng pháp nhân, nguồn tài chính của Tổng Công ty để tiến hành các thủ tục xử lý, giải quyết các vấn đề liên quan đến việc bàn giao vốn, tài sản, chi phí của Tổng Công ty trước thời điểm cổ phần hóa.

Điều 2. Phiên họp thường niên Đại hội đồng cổ đông năm 2022 của Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP thống nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện đầy đủ và hiệu quả theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của Tổng Công ty.

Điều 3: Nghị quyết này đã được Phiên họp thường niên Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS, BTK, TGD;
- Công bố TT 24h;
- Lưu VP.



NGUYỄN AN ĐỊNH

